

CÔNG BỐ

**Giá vật liệu xây dựng Quý III năm 2025
trên địa bàn 66 xã, phường tỉnh Phú Thọ trước sáp nhập**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc về việc phân cấp cho Sở Xây dựng công bố các thông tin về giá xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng Quý III năm 2025 trên địa bàn 66 xã, phường tỉnh Phú Thọ (*theo danh sách đính kèm*) như sau:

1. Giá vật liệu xây dựng được công bố đã bao gồm các loại thuế và phí theo quy định (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT). Giá vật liệu trong bảng công bố này được xác định trên cơ sở khảo sát thực tế, thu thập thông tin về giá vật liệu xây dựng của các đơn vị kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, báo giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh; báo cáo giá vật liệu xây dựng của UBND các huyện, thành, thị. Một số giá vật liệu công bố theo địa chỉ nơi sản xuất, nhà cung cấp (*giá công bố đã bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại bến bãi, đơn vị sản xuất, kinh doanh*). Giá các loại vật tư, vật liệu công bố nêu trên được xác định và công bố theo giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp để chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo; chưa loại trừ các khoản chiết khấu, ưu đãi, khuyến mãi, giảm giá (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

2. Các loại vật liệu xây dựng trong công bố đã quy định rõ: Kích thước, quy cách, xuất xứ, cơ sở sản xuất. Những loại vật liệu xây dựng không đúng với kích

thước, quy cách trong công bố giá, thì không tham khảo, áp dụng. Giá cửa kính khuôn nhựa lõi thép, vách kính khuôn nhựa lõi thép, cửa kính khuôn nhôm hệ, vách kính khuôn nhôm hệ đã bao gồm: khuôn nhựa lõi thép, khuôn nhôm hệ, kính, ốc, vít, bản lề, chốt, khóa và chi phí lắp đặt. Giá cửa gỗ chưa bao gồm: bản lề, chốt, khóa và sơn, nẹp.

3. Bảng giá vật liệu xây dựng kèm theo công bố này là loại vật liệu phổ biến trong xây dựng công trình làm cơ sở áp dụng, tham khảo cho việc lập giá xây dựng công trình theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Các chủ thể khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cần căn cứ vào địa điểm xây dựng, địa điểm cung cấp vật tư, tính chất của công trình, yêu cầu thiết kế và các quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu đủ tiêu chuẩn, đảm bảo chất lượng và xác định giá vật liệu phù hợp với giá thị trường.

4. Trong trường hợp các loại vật liệu có sự chênh lệch, biến động về giá (*tăng hoặc giảm*) so với giá công bố; chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình được thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn tại điểm b mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 3 Phụ lục Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng. Việc lựa chọn giá vật liệu xây dựng phải khách quan, minh bạch, đảm bảo hiệu quả của dự án, đồng thời gửi giá các loại vật liệu trên về Sở Xây dựng để tổng hợp bổ sung vào công bố giá theo quy định.

Đối với loại vật liệu chỉ có 01 tổ chức (cá nhân) đăng ký công bố giá, trong quá trình thực hiện các chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn cần tham khảo, đối chiếu với giá sản phẩm cùng loại có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương (trên thị trường) để quyết định sử dụng vào công trình, đảm bảo tiết kiệm chi phí đầu tư.

Đối với các loại vật liệu trên địa bàn tỉnh chưa sản xuất được, các loại vật không có tại khu vực xây dựng công trình, các vật liệu có giá tại địa bàn nơi có công trình xây dựng quá cao so với sản phẩm cùng loại được công bố tại địa bàn khác (xã phường khác) thì Chủ đầu tư lựa chọn tại khu vực gần nhất và có giá phù hợp, cộng với cước vận chuyển đến công trình để tính giá vật liệu đến chân công trình phù hợp và tiết kiệm nhất.

- Khi chủ đầu tư, đơn vị tư vấn tổ chức khảo sát, xác định giá vật liệu cần lưu ý:

Các chủng loại vật liệu được sử dụng phải đảm bảo chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các quy định về quản lý vật liệu xây dựng tại nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ, phải có Văn bản

thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy đối với các sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 2 được quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ Xây dựng.

5. Đề nghị Sở Tài chính, Thuế tỉnh căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành để tiến hành rà soát kiểm tra, thanh tra về giá; rà soát kiểm tra, thanh tra việc kê khai và nộp các loại thuế, phí theo quy định đối với nhóm vật liệu xây dựng sản xuất trên địa bàn tỉnh; trường hợp phát hiện có vi phạm đề nghị phối hợp thông tin để Sở Xây dựng gỡ thông báo giá của đơn vị vi phạm.

6. Các đơn vị sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng trong bảng công bố này chịu trách nhiệm về chất lượng, giá của các loại vật liệu đề nghị đăng công bố.

(Chi tiết Giá vật liệu xây dựng Quý III năm 2025 trên địa bàn 66 xã phường tỉnh Phú Thọ được đăng tải trên Trang thông tin điện tử Sở Xây dựng có địa chỉ Website: <http://soxaydung.phutho.gov.vn>).

Trong quá trình tham khảo, vận dụng nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của Tỉnh;
- UBND các phường, xã;
- Giám đốc, các PGĐ;
- VP Sở (để đăng tải website SXD);
- Phòng KT&VLXD;
- Lưu: VT. KT&VLXD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Ngọc

STT	Nhóm vật liệu	Nhóm vật liệu/Tên vật liệu, loại vật liệu	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá vật liệu chưa bao gồm VAT (đồng)
	"	SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC - ĐC Văn Phòng: tổ dân phố Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội - ĐC Nhà máy: KCN Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội - Giá bán tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, giao hàng trên phương tiện bên bán.									
2864	"	Đèn Led đường phố EPSILON-100W	cái	(TCVN 7722-2-1:2013; TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019)					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		3.286.000
2865	"	Đèn Led đường phố NUY-100W DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		3.100.000
2866	"	Đèn Led đường phố NUY-150W DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		4.320.000
2867	"	Đèn Led đường phố UPSILON-150W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		5.990.000
2868	"	Đèn Led đường phố IOTA-100W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		3.608.000
2869	"	Đèn Led đường phố IOTA-120W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		3.774.000
2870	"	Đèn Led đường phố IOTA-150W	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		4.135.000
2871	"	Đèn Led đường phố IOTA-150W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		4.721.000
2872	"	Đèn Led đường phố IOTA-180W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		4.982.000
2873	"	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-50W	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		4.250.000
2874	"	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-60W DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		5.980.000
2875	"	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-80W DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		6.484.000
2876	"	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-100W DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		7.377.000
2877	"	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-100W DIM DALI	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		8.385.000
2878	"	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-120W DIM DALI	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		8.952.000
2879	"	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-150W DIM DALI	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		9.385.000
2880	"	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-160W DIM DALI	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		10.797.000
2881	"	Đèn Led đường phố B-WIN-100W DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		6.710.000
2882	"	Đèn Led đường phố B-WIN-120W DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		7.160.000
2883	"	Đèn Led đường phố C-WIN-150W DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		7.510.000

STT	Nhóm vật liệu	Nhóm vật liệu/Tên vật liệu, loại vật liệu	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá vật liệu chưa bao gồm VAT (đồng)
2884	"	Đèn Led đường phố D-WIN -150W DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		6.010.000
2885	"	Đèn Led đường phố KAPPA-50W	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.015.000
2886	"	Đèn Led đường phố KAPPA-80W DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.955.000
2887	"	Đèn Led đường phố KAPPA-100W	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.641.000
2888	"	Đèn Led đường phố KAPPA-100W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		4.345.000
2889	"	Đèn Led đường phố KAPPA-120W	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.936.000
2890	"	Đèn Led đường phố KAPPA-120W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		4.510.000
2891	"	Đèn Led đường phố KAPPA-150W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		5.239.000
2892	"	Đèn Led đường phố PI-50W	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.817.200
2893	"	Đèn Led đường phố PI-70W	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.980.000
2894	"	Đèn Led đường phố PI-75W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		2.390.000
2895	"	Đèn Led đường phố PI-90W	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		2.121.000
2896	"	Đèn Led đường phố PI-100W	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		2.177.000
2897	"	Đèn Led đường phố PI-100W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		2.585.000
2898	"	Đèn Led đường phố PI-120W	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		2.774.000
2899	"	Đèn Led đường phố PI-120W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.258.000
2900	"	Đèn Led đường phố PI-150W	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.235.000
2901	"	Đèn Led đường phố PI-150W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.721.000
2902	"	Đèn Led đường phố PI-160W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.797.000
2903	"	Đèn Led đường phố PHI-100W DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		4.328.000
2904	"	Đèn Led đường phố PHI-120W DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		4.850.000
2905	"	Đèn Led đường phố PHI-150W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		5.018.000
2906	"	Đèn Led đường phố CHI-80W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		4.070.000

STT	Nhóm vật liệu	Nhóm vật liệu/Tên vật liệu, loại vật liệu	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá vật liệu chưa bao gồm VAT (đồng)
2907	"	Đèn Led đường phố CHI-100W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		6.536.000
2908	"	Đèn Led đường phố CHI-120W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		7.050.000
2909	"	Đèn Led đường phố CHI-150W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		7.881.000
2910	"	Đèn Led đường phố CHI-180W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		8.280.000
2911	"	Đèn Led đường phố CHI-200W, DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		8.480.000
2912	"	Đèn Led đường phố ALUMOS-150W DIM	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		6.190.000
2913	"	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời ALPHA-100W NLMT	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		8.540.000
2914	"	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-50W NLMT	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		5.860.000
2915	"	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-60W NLMT	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		6.150.000
2916	"	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời GAMMA-75W NLMT	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		6.440.000
2917	"	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời SIGMA-80W NLMT	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		7.880.000
2918	"	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-160W NLMT	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		12.430.000
2919	"	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-180W NLMT	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		14.650.000
2920	"	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời MOMO-120W NLMT	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		9.120.000
2921	"	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời NANO-150W NLMT	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		10.230.000
2922	"	Đèn pha LED MB05-200w	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		2.297.000
2923	"	Đèn pha LED MB02-250w	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		3.395.000
2924	"	Đèn pha LED MB02-300w	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		3.795.000
2925	"	Đèn pha LED MB02- 400w	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		4.155.000
2926	"	Đèn pha LED MB02-500w	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		5.995.000
2927	"	Đèn pha LED MB03-600w	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		7.952.000
2928	"	Đèn pha LED MB04-800w	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		14.167.800
2929	"	Đèn pha LED MB07-1000w	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện bên bán		16.667.800

STT	Nhóm vật liệu	Nhóm vật liệu/Tên vật liệu, loại vật liệu	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá vật liệu chưa bao gồm VAT (đồng)
2930	"	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (240x240x500)mm	cái	TCCS					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		300.000
2931	"	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (260x260x500)mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		325.000
2932	"	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (340x340x500)mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		343.000
2933	"	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M24, KT: (300x300x675)mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		500.000
2934	"	Khung móng cột thép C45, 8 Bulông M24, KT: Ø400mm, cao 1350mm (Lắp cho cột cao 13-16m)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.985.000
2935	"	Khung móng cột thép C45, 8 Bulông M24, KT: Ø450mm, cao 1500mm (Lắp cho cột cao 17-18m không nâng hạ)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		2.480.000
2936	"	Khung móng cột thép C45, 18 Bulông M30, KT: Ø800mm, cao 1750mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 17-25m) (TCCS 01:2018/CSMB)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		9.860.000
2937	"	Khung móng cột thép C45, 20 Bulông M30, KT: Ø900mm, cao 2000mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 30-35m)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		12.850.000
2938	"	Cột trang trí SV35, thân thép D141, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		5.115.000
2939	"	Cột trang trí SV35, thân thép D114, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.685.000
2940	"	Cột trang trí SV35, thân thép D168, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		6.120.000
2941	"	Đế gang DP03 cho cột thép	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		6.116.000
2942	"	Đế DP01 (lắp cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		4.147.000
2943	"	Đế trang trí gang củ tỏi DP04 cho cột thép	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.905.000
2944	"	Đế trang trí gang DP02 cho cột thép	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		7.699.000
2945	"	Đế trang trí gang PINE cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.900.000
2946	"	Đế trang trí gang DC06 cho cột sân vườn ống nhôm D76, cao 2,3m	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.952.000
2947	"	Đế trang trí gang DC05 cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		7.794.000
2948	"	Đế trang trí gang DC01 cho cột thép	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		4.645.000
2949	"	Đế trang trí gang BANIAN cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		4.534.000
2950	"	Đế trang trí gang NOUVO cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		5.689.000
2951	"	Đế trang trí gang DC02 cho cột sân vườn ống nhôm D76, cao 2,3m	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.513.000
2952	"	Chùm trang trí CH02 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.178.000

STT	Nhóm vật liệu	Nhóm vật liệu/Tên vật liệu, loại vật liệu	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá vật liệu chưa bao gồm VAT (đồng)
2953	"	Chùm trang trí CH02 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.026.000
2954	"	Chùm trang trí CH04 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.758.000
2955	"	Chùm trang trí CH04 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.524.000
2956	"	Chùm trang trí CH06 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		972.000
2957	"	Chùm trang trí CH06 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		834.000
2958	"	Chùm trang trí CH07 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.717.000
2959	"	Chùm trang trí CH07 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.386.000
2960	"	Chùm trang trí CH08 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.358.000
2961	"	Chùm trang trí CH11 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.717.000
2962	"	Chùm trang trí CH11 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.993.000
2963	"	Chùm trang trí CH12 cho cột sân vườn.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.593.900
2964	"	Đèn trang trí Jupiter cho cột sân vườn.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.731.000
2965	"	Cột trang trí Alequyn+Chùm Alequyn (3+1) cho cột sân vườn.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.766.000
2966	"	Cần đơn MB01-D (lắp vào thân cột thép)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.157.000
2967	"	Cần kép MB01-K (lắp vào thân cột thép)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.595.000
2968	"	Cần đơn MB02-D (lắp vào thân cột thép)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		961.000
2969	"	Cần kép MB02-K (lắp vào thân cột thép)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.340.000
2970	"	Cần đơn MB06-D (lắp vào thân cột thép)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		686.000
2971	"	Cần kép MB06-K (lắp vào thân cột thép)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.013.000
2972	"	Cần đơn MB03-D (lắp vào thân cột thép)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.079.000
2973	"	Cần kép MB03-K (lắp vào thân cột thép)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.699.000
2974	"	Cần đơn MB04-D (lắp vào thân cột thép)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.378.000
2975	"	Cần kép MB04-K (lắp vào thân cột thép)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.617.000

STT	Nhóm vật liệu	Nhóm vật liệu/Tên vật liệu, loại vật liệu	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá vật liệu chưa bao gồm VAT (đồng)
2976	"	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 4m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.650.000
2977	"	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 5, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.950.000
2978	"	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 6m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		2.500.000
2979	"	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 7m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		2.897.000
2980	"	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 7m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.262.000
2981	"	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 8m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.328.000
2982	"	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 8m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		4.156.000
2983	"	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 9m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.858.000
2984	"	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 9m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		4.735.000
2985	"	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 10m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		4.404.000
2986	"	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 10m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		5.033.000
2987	"	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 11m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		5.365.000
2988	"	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 11m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		6.043.000
2989	"	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 12m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		7.255.000
2990	"	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 3m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.550.000
2991	"	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 4m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		1.700.000
2992	"	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 5m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		2.268.000
2993	"	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 6m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.046.000
2994	"	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 7m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.543.000
2995	"	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 7m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		4.591.000
2996	"	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 8m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		4.653.000
2997	"	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 8m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		5.199.000
2998	"	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 9m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		6.000.000

STT	Nhóm vật liệu	Nhóm vật liệu/Tên vật liệu, loại vật liệu	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá vật liệu chưa bao gồm VAT (đồng)
2999	"	Cột đa giác, bát giác, tròn còn cao 9m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		6.598.000
3000	"	Cột đa giác, bát giác, tròn còn cao 10m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		6.772.000
3001	"	Cột đa giác, bát giác, tròn còn cao 11m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		7.617.000
3002	"	Cột đa giác, bát giác, tròn còn cao 12m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		9.179.000
3003	"	Cột đèn nâng hạ 17m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		97.400.000
3004	"	Cột đèn nâng hạ 20m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		109.400.000
3005	"	Cột đèn nâng hạ 25m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		119.400.000
3006	"	Cột đèn nâng hạ 30m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		134.000.000
3007	"	Cột đèn nâng hạ 35m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		158.000.000
3008	"	Cột đa giác, bát giác, tròn còn cao 13m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		16.500.000
3009	"	Cột đa giác, bát giác, tròn còn cao 14m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		18.520.000
3010	"	Cột đa giác, bát giác, tròn còn cao 15m, thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		23.530.000
3011	"	Cột đa giác, bát giác, tròn còn 16m thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		24.521.000
3012	"	Cột đa giác, bát giác, tròn còn 17m thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		27.520.000
3013	"	Cột đa giác, bát giác, tròn còn cao 18m, thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		29.670.000
3014	"	Cột đa giác, bát giác, tròn còn cao 19m, thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		33.500.000
3015	"	Cột đa giác, bát giác, tròn còn bằng thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123), H= 6,2m dày 6mm, tay vươn đơn 6m, dày 5mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		12.900.000
3016	"	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn còn cao 6.2m, dày 6mm, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		12.300.000
3017	"	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn còn cao 3.3m, dày 4mm, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		10.600.000
3018	"	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn còn cao 6.2m, dày 6mm, tay vươn vuông góc 5m + 2m, dày 4mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		13.000.000
3019	"	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn còn cao 5.6m, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		10.600.000
3020	"	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn còn cao 4m, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		2.670.000
3021	"	Thanh giá treo đèn D60, thép SS400, dày 3mm, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		450.000

STT	Nhóm vật liệu	Nhóm vật liệu/Tên vật liệu, loại vật liệu	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Ghi chú	Giá vật liệu chưa bao gồm VAT (đồng)
3022	"	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 2.5m, dày 3mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		2.140.000
3023	"	Đèn LED cảnh báo tín hiệu giao thông màu vàng D300mm sử dụng năng lượng mặt trời (đã bao gồm pin năng lượng mặt trời, tủ điều khiển)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		7.300.000
3024	"	Đèn LED 3 màu xanh, đỏ, vàng (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		8.056.000
3025	"	Đèn LED THGT 3 x D100, 3 màu xanh, đỏ, vàng D100 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		5.560.000
3026	"	Đèn LED THGT 3 x D200, 3 màu xanh, đỏ, vàng D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		6.060.000
3027	"	Đèn LED THGT 3 x D300, 3 màu xanh, đỏ, vàng D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		7.970.000
3028	"	Đèn LED mũi tên chỉ hướng D300 (Led)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		2.900.000
3029	"	Đèn LED chữ thập D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.180.000
3030	"	Đèn LED Chữ thập D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.620.000
3031	"	Đèn LED Đếm ngược D300 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		2.680.000
3032	"	Đèn LED Đếm ngược D400 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		3.700.000
3033	"	Đèn LED Đếm ngược D600 (Led) vỏ hộp và tay đỡ thép sơn tĩnh điện	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		6.000.000
3034	"	Đèn LED Đi bộ 2 x D200 (Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		4.900.000
3035	"	Đèn LED Đi bộ D300 (Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		2.950.000
3036	"	Tủ tụ điều khiển tín hiệu giao thông 03 pha, ổn áp 2000VA, UPS 1400VA, KT: (1000x800x450)mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		52.500.000
3037	"	Tủ điều khiển tín hiệu giao thông 02 pha, ổn áp 2000VA, KT: (1000x800x450)mm	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		32.500.000
3038	"	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 30A-32A-40A-50A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		11.850.000
3039	"	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ có ngăn chống tổn thất 60A-63A-75A-80A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		12.450.000
3040	"	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ có ngăn chống tổn thất 100A-150A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		13.950.000
3041	"	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ 100A-150A-200A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5mm)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		12.850.000
3042	"	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ 100A-150A-200A (vỏ tủ tôn dày 2mm)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		14.950.000
3043	"	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ 250A-300A (vỏ tủ tôn dày 2mm)	cái	"					Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		18.950.000
	"								Giao tại chân công trình, trên phương tiện ben bán		